

Bản án số: 169/2019/HS-ST  
Ngày: 31-10-2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Châu Ly.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn.
2. Bà Nguyễn Thị Liễu.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Mai Thị Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 180/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Phùng Văn H, sinh năm: 1988, tại: Hà Nội; hộ khẩu thường trú: thôn A, xã H, huyện M, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn Đ (đã chết) và bà Đinh Thị S; có vợ Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1989 và 01 con; tiền sự: không; tiền án: Ngày 24/7/2012, Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố Hà Nội xử phạt 25 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Bản án số 292/2012/HSST); Ngày 29/4/2016, Tòa án nhân dân quận K, Thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 133/2016/HSST); tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày: 09/8/2019; (Có mặt).

Bị hại: Bà Phạm Thái M, sinh năm; 1984; HKTT: 61/12 ấp T, xã S, huyện C, tỉnh B; tạm trú: 234 đường N, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 50 phút ngày 03/8/2019, Phùng Văn H đến cửa hàng quần áo địa chỉ 234 đường N, Phường B, quận G do bà Phạm Thái M là chủ cửa hàng. H lén lút dùng tay phải kéo ngăn tủ quầy thu tiền lấy trộm 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) gồm 07 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) rồi tẩu thoát ra ngoài. Sau đó, bà M kiểm tra phát hiện bị mất tiền nên xem lại dữ liệu camera thì nhìn thấy đối tượng trộm tiền của mình nhưng chưa đến Công an Phường B, quận G trình báo. Đến khoảng 20 giờ ngày 09/8/2019, Hùng đến uống cà phê tại địa chỉ 238 đường N, Phường B, quận G thì bị bà M nhìn thấy nên trình báo Công an Phường B, quận G mời H về làm việc và H đã khai nhận hành vi trộm số tiền trên. Công an Phường B, quận G lập hồ sơ ban đầu chuyển giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan điều tra, Phùng Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên. Số tiền trộm cắp được 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) H cho biết đã tiêu xài cá nhân hết.

Bà M yêu cầu Phùng Văn H bồi thường số tiền chiếm đoạt là 3.500.000 đồng nhưng Phùng Văn H chưa có khả năng khắc phục.

Tại bản cáo trạng số 176/CTr-VKS, ngày 10/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận G đã truy tố Phùng Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát sau khi luận tội và đưa ra quan điểm xét xử đã đề nghị:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017;

- Xử phạt bị cáo Phùng Văn H từ 02 năm đến 02 năm 6 tháng tù.
- Miễn phạt bổ sung cho bị cáo.

Áp dụng Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 3.500.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà hôm nay, sau khi Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G công bố bản cáo trạng thì Phùng Văn H đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

[2] Đối chiếu lời khai bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với kết luận điều tra của cơ quan Công an quận G, với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận G và với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở pháp lý để cho rằng hành vi của Phùng Văn H đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt trừng trị được quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung 2017.

[3] Lợi dụng sự sơ hở của bị hại, bị cáo đã lén lút lấy trộm tài sản rất táo bạo và liều lĩnh. Hành vi của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được Pháp luật và Nhà nước bảo hộ. Mặt khác, còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội và tác động xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Chỉ vì muốn tiêu xài phục vụ cho những nhu cầu cá nhân của mình mà không phải thông qua lao động chân chính bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, việc xử lý bị cáo bằng biện pháp hình sự là hết sức cần thiết và đúng quy định của pháp luật. Xét nhân thân bị cáo đã có 02 tiền án về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội thể hiện ý thức bị cáo rất xem thường pháp luật và lần phạm tội này là tái phạm nguy hiểm là tình tiết định khung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài nhằm giúp cho bị cáo có điều kiện học tập cải tạo lại mình sau này biết tôn trọng pháp luật và tôn trọng tài sản của người khác.

[4] Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét cho bị cáo một số tình tiết: Tại Cơ quan điều tra và qua diễn biến phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thật thà khai báo thành khẩn nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải, gia đình bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo để giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[5] Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, xét tính chất vụ án và hoàn cảnh của bị cáo Hội đồng xét xử quyết định miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay bà Phạm Thái M vắng mặt, nhưng qua hồ sơ thể hiện bà M yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền bị chiếm đoạt là 3.500.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là yêu cầu và sự thỏa thuận tự nguyện không trái pháp luật nên ghi nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: không có.

[8] Về án phí: Bị cáo Phùng Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Phùng Văn H phạm tội “Trộm cắp Tài sản”;

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017;

Xử phạt bị cáo Phùng Văn H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 09/8/2019.

Áp dụng Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017;

Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bà Phạm Thái M số tiền 3.500.000 (Ba triệu năm trăm nghìn) đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Áp dụng khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị cáo Phùng Văn H không bồi thường số tiền nêu trên cho bà Phạm Thái M thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Việc thi hành án được thực hiện tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và Lệ phí, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- TAND TP. HCM;
- Viện kiểm sát Q. G;
- Thi hành án Q. G;
- Công an Q. G;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Châu Ly**